

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học,
trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2022-2023**

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

[illegible]

đ	Khối ngành V	40		2	9	29						
	Ngành CNTT	22	-	-	6	16	-	-	-	-	-	-
	Ngành Trí tuệ nhân tạo	5	-	-	3	2	-	-	-	-	-	-
	Ngành Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng	19	-	2	2	15	-	-	-	-	-	-
e	Khối ngành VI											
g	Khối ngành VII	38		1	8	27	2					
	Ngành NNA	13	-	-	2	10	1	-	-	-	-	-
	Ngành Du lịch	14	-	1	2	11	-	-	-	-	-	-
	Ngành Quản trị khách sạn	12	-	1	2	9	-	-	-	-	-	-
	Ngành ĐPH	11	-	-	4	6	1	-	-	-	-	-
2	Giảng viên cơ hữu môn chung											

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
I	Khối ngành I					
II	Khối ngành II					
III	Khối ngành III					
1.	Lê Thị Kiều Anh	1988	Nữ		TS	Quản trị kinh doanh
2.	Lê Hữu Bằng	1982	Nam		ThS	Quản trị kinh doanh
3.	Lương Thị Kim Duyên	1980	Nữ		ThS	Quản trị kinh doanh



4.	Đinh Thị Thu Hà	1986	Nữ		TS	Quản trị kinh doanh
5.	Đặng Hoàng Thái Hiền	1994	Nữ		ThS	Quản trị kinh doanh
6.	Ngô Hường	1953	Nam	PGS	TS	Quản trị kinh doanh
7.	Trần Thị Yến Loan	1978	Nữ		ThS	Quản trị kinh doanh
8.	Văn Hữu Quang Nhật	1985	Nam		TS	Quản trị kinh doanh
9.	Nguyễn Đức Thành	1977	Nam	PGS	TS	Quản trị kinh doanh
10.	Nguyễn Minh Thành	1991	Nam		ThS	Quản trị kinh doanh
11.	Mai Văn Tới	1982	Nam		ThS	Quản trị kinh doanh
12.	Lê Thị Thanh Vân	1976	Nữ		ThS	Quản trị kinh doanh
13.	Phạm Thị Vân	1988	Nữ		ThS	Quản trị kinh doanh
14.	Đinh Thị Hải Yến	1986	Nữ		ThS	Quản trị kinh doanh
15.	Lê Trung Nghĩa	1982	Nam		ThS	Quản trị kinh doanh
16.	Nguyễn Thị Kim Hoàng	1991	Nữ		ThS	Quản trị kinh doanh
17.	Lê Ngọc Bửu	1966	Nam		ThS	TCNH
18.	Lương Thị Kim Duyên	1980	Nữ		ThS	TCNH
19.	Đinh Thị Thu Hà	1986	Nữ		TS	TCNH
20.	Nguyễn Minh Hải	1984	Nam		ThS	TCNH
21.	Ngô Hường	1953	Nam	PGS	TS	TCNH
22.	Lê Hữu	1957	Nam		ThS	TCNH
23.	Mai Văn Tới	1982	Nam		ThS	TCNH
24.	Nguyễn Đăng Huyền Trân	1992	Nữ		ThS	Kế toán
25.	Huỳnh Thị Phương Anh	1986	Nữ		ThS	Kế toán
26.	Trần Tâm Anh	1991	Nữ		ThS	Kế toán

Handwritten signature

27.	Nguyễn Hữu Quy	1980	Nam		ThS	Kế toán
28.	Trần Thị Kim Thúy	1988	Nữ		ThS	Kế toán
29.	Nguyễn Thanh Toại	1953	Nam		TS	Kế toán
30.	Đinh Thị Hải Yến	1986	Nữ		ThS	Kế toán
31.	Lê Thị Kiều Duyên	1982	Nữ		ThS	Kế toán
32.	Nguyễn Minh Anh	1979	Nam		TS	Marketing
33.	Lê Phạm Minh Tuyền	1994	Nữ		ThS	Marketing
34.	Nguyễn Đăng Bắc	1982	Nam		ThS	Marketing
35.	Lê Thị Kiều Anh	1988	Nữ		TS	Marketing
36.	Đặng Xuân Chính	1988	Nam		ThS	Marketing
37.	Nguyễn Đình Cường	1960	Nam		ThS	Marketing
38.	Nguyễn Bá Hùng	1987	Nam		TS	Marketing
39.	Nguyễn Đức Thành	1977	Nam	PGS	TS	Marketing
40.	Nguyễn Dạ Thảo	1988	Nữ		ThS	Marketing
41.	Ngô Hà Giang	1993	Nam		ThS	Marketing
42.	Nguyễn Thị Thu	1978	Nữ		ThS	Marketing
43.	Nguyễn Thúc Trí	1968	Nam		ThS	Marketing
44.	Huỳnh Hoàng Anh	1994	Nữ		ThS	Marketing
45.	Quách Đình Hùng	1989	Nam		ThS	Kinh doanh quốc tế
46.	Phạm Xuân Bình	1985	Nam		ThS	Kinh doanh quốc tế
47.	Nguyễn Bá Hùng	1987	Nam		TS	Kinh doanh quốc tế
48.	Thái Ninh	1959	Nam		ThS	Kinh doanh quốc tế
49.	Đoàn Thị Thu Hà	1987	Nữ		ThS	Kinh doanh quốc tế
50.	Đinh Thị Thúy Nga	1995	Nữ		ThS	Luật

Handwritten signature

51.	Huỳnh Thảo Nguyên	1996	Nữ		ThS	Luật
52.	Nguyễn Văn Tự	1980	Nam		ThS	Luật
53.	Lê Thị Kiều Duyên	1982	Nữ		ThS	Luật
54.	Nguyễn Đăng Khoa	1979	Nam		ThS	Luật
55.	Nguyễn Thanh Mận	1959	Nam		TS	Luật
56.	Lê Trung Nghĩa	1982	Nam		ThS	Luật
57.	Ngô Văn Tăng Phước	1974	Nam		ThS	Luật
58.	Lê Xuân Thân	1961	Nam		TS	Luật
59.	Lê Anh Vân	1982	Nam		ThS	Luật
60.	Huỳnh Đức Thái Lâm Hoàng	1977	Nam		TS	Luật
61.	Nguyễn Nam Hà	1954	Nam		TS	Luật
62.	Ngô Hà Giang	1993	Nam		ThS	Luật
IV	Khối ngành IV					
V	Khối ngành V					
63.	Nguyễn Minh Anh	1979	Nam		TS	Công nghệ thông tin
64.	Đào Thị Huệ	1990	Nữ		ThS	Công nghệ thông tin
65.	Mai Thị Cẩm Huyền	1973	Nữ		ThS	Công nghệ thông tin
66.	Đinh Thị Thúy Nga	1995	Nữ		ThS	Công nghệ thông tin
67.	Hồ Thị Thùy Vân	1991	Nữ		ThS	Công nghệ thông tin
68.	Nguyễn Đăng Bắc	1982	Nam		ThS	Công nghệ thông tin
69.	Phạm Xuân Bình	1985	Nam		ThS	Công nghệ thông tin
70.	Đỗ Sỹ Cường	1960	Nam		ThS	Công nghệ thông tin
71.	Nguyễn Khắc Huy	1983	Nam		ThS	Công nghệ thông tin
72.	Nguyễn Trùng Lập	1980	Nam		TS	Công nghệ thông tin

73.	Lê Thiện Phương	1984	Nam		ThS	Công nghệ thông tin
74.	Đặng Trường Sơn	1966	Nam		TS	Công nghệ thông tin
75.	Nguyễn Đức Thuần	1962	Nam		TS	Công nghệ thông tin
76.	Nguyễn Hữu Trọng	1955	Nam		TS	Công nghệ thông tin
77.	Lê Hữu Tuấn	1981	Nam		ThS	Công nghệ thông tin
78.	Huỳnh Đức Thái Lâm Hoàng	1977	Nam		TS	Công nghệ thông tin
79.	Trần Duy Bảo	1991	Nam		ThS	Công nghệ thông tin
80.	Đoàn Thị Thu Hà	1987	Nữ		ThS	Công nghệ thông tin
81.	Nguyễn Trần Hoài Phương	1987	Nữ		ThS	Công nghệ thông tin
82.	Nguyễn Thuận Tuyết Sương	1984	Nữ		ThS	Công nghệ thông tin
83.	Huỳnh Hoàng Anh	1994	Nữ		ThS	Công nghệ thông tin
84.	Nguyễn Trùng Lập	1980	Nam		TS	Trí tuệ nhân tạo
85.	Christopher Alan Parratt	1956	Nam		TS	Trí tuệ nhân tạo
86.	Lê Trung Tín	1979	Nam		ThS	Trí tuệ nhân tạo
87.	Nguyễn Hữu Trọng	1955	Nam		TS	Trí tuệ nhân tạo
88.	Nguyễn Văn Tự	1980	Nam		ThS	Trí tuệ nhân tạo
89.	Đào Thị Huệ	1990	Nữ		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
90.	Quách Đình Hùng	1989	Nam		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
91.	Mai Thị Cẩm Huyền	1973	Nữ		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
92.	Đào Huy Nhật	1988	Nam		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
93.	Nguyễn Đăng Huyền Trân	1992	Nữ		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

94.	Nguyễn Trần Bảo Trinh	1991	Nữ		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
95.	Nguyễn Khắc Huy	1983	Nam		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
96.	Lê Trung Tín	1979	Nam		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
97.	Đình Văn Hương	1976	Nam		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
98.	Ngô Hường	1953	Nam		TS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
99.	Văn Hữu Quang Nhật	1985	Nam		TS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
100.	Nguyễn Hữu Quy	1980	Nam		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
101.	Nguyễn Đức Thành	1977	Nam		TS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
102.	Lê Anh Vân	1982	Nam		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
103.	Nguyễn Thị Thu Hà	1988	Nữ		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
104.	Nguyễn Thị Quế Hương	1983	Nữ		TS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
105.	Vũ Thị Lê	1979	Nữ		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
106.	Nguyễn Lê Kim Khánh	1991	Nữ		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
107.	Võ Đình Văn	1989	Nam		ThS	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
VI	Khối ngành VI					
VII	Khối ngành VII					
108.	Trần Duy Bảo	1991	Nam		ThS	Ngôn ngữ Anh
109.	Ngô Hà Giang	1993	Nam		ThS	Ngôn ngữ Anh
110.	Đoàn Thị Thu Hà	1987	Nam		ThS	Ngôn ngữ Anh

Ngô

111.	Nguyễn Lê Kim Khánh	1991	Nữ		ThS	Ngôn ngữ Anh
112.	Phạm Quốc Lộc	1976	Nam		TS	Ngôn ngữ Anh
113.	Nguyễn Thị Hồng Phương	1988	Nữ		ThS	Ngôn ngữ Anh
114.	Nguyễn Trần Hoài Phương	1987	Nữ		ThS	Ngôn ngữ Anh
115.	Hà Văn Sinh	1957	Nam		TS	Ngôn ngữ Anh
116.	Nguyễn Thuận Tuyết Sương	1984	Nữ		ThS	Ngôn ngữ Anh
117.	Nguyễn Thị Thu	1978	Nữ		ThS	Ngôn ngữ Anh
118.	Nguyễn Thúc Trí	1968	Nam		ThS	Ngôn ngữ Anh
119.	Marie Chinn	1979	Nữ		ĐH	Ngôn ngữ Anh
120.	Võ Sáng Xuân Lan	1962	Nữ		TS	Du lịch
121.	Nguyễn Trần Bảo Trinh	1991	Nữ		ThS	Du lịch
122.	Hồ Thị Thùy Vân	1991	Nữ		ThS	Du lịch
123.	Lê Hữu Tuấn	1981	Nam		ThS	Du lịch
124.	Bùi Trần Phượng	1950	Nữ		TS	Du lịch
125.	Trần Thị Phi Ánh	1987	Nữ		ThS	Du lịch
126.	Lê Thị Lan Hương	1985	Nữ		ThS	Du lịch
127.	Võ Trần Hải Linh	1989	Nam		ThS	Du lịch
128.	Đinh Thị Nga	1990	Nữ		ThS	Du lịch
129.	Trần Đặng Phi Minh Quốc	1991	Nam		ThS	Du lịch
130.	Đỗ Thị Mai Đoan Thục	1984	Nữ		ThS	Du lịch
131.	Nguyễn Quốc Tiến	1985	Nam		ThS	Du lịch
132.	Trần Hoài Nam	1982	Nam		ThS	Du lịch

133.	Mai Thị Kiều Phượng	1966	Nữ	PGS	TS	Du lịch
134.	Trần Thị Phi Ánh	1987	Nữ		ThS	Quản trị khách sạn
135.	Lê Thị Lan Hương	1985	Nữ		ThS	Quản trị khách sạn
136.	Lê Anh Thư	1986	Nữ		TS	Quản trị khách sạn
137.	Võ Trần Hải Linh	1989	Nam		ThS	Quản trị khách sạn
138.	Đinh Thị Nga	1990	Nữ		ThS	Quản trị khách sạn
139.	Trần Đặng Phi Minh Quốc	1991	Nam		ThS	Quản trị khách sạn
140.	Đỗ Thị Mai Đoan Thục	1984	Nữ		ThS	Quản trị khách sạn
141.	Nguyễn Quốc Tiến	1985	Nam		ThS	Quản trị khách sạn
142.	Mai Thị Kiều Phượng	1966	Nữ	PGS	TS	Quản trị khách sạn
143.	Trương Anh Tuấn	1978	Nam		TS	Quản trị khách sạn
144.	Nguyễn Thị Hồng Phương	1988	Nữ		ThS	Quản trị khách sạn
145.	Nguyễn Thị Thu Hà	1988	Nữ		ThS	Đông Phương học
146.	Nguyễn Thị Thu Hà	1988	Nữ		ThS	Đông Phương học
147.	Nguyễn Thị Quế Hương	1983	Nữ		TS	Đông Phương học
148.	Vũ Thị Lê	1979	Nữ		ThS	Đông Phương học
149.	Trần Hoài Nam	1982	Nam		ThS	Đông Phương học
150.	Park Jong Ryul	1949	Nam		ThS	Đông Phương học
151.	Trương Anh Tuấn	1978	Nam		TS	Đông Phương học
152.	Ahn Hei Won	1971	Nữ		ThS	Đông Phương học
153.	Hà Văn Sinh	1957	Nam		TS	Đông Phương học
154.	Park Eui Rom	1980	Nam		ĐH	Đông Phương học

100

[Signature]

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/ giảng viên quy đổi

STT	Khối ngành	Tỷ lệ SV/GV cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	12,4
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	6,3
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	13

HIỆU TRƯỞNG 

*** Phạm Quốc Lộc**